

# ĐỔI MỚI QUẢN LÝ- ĐÒN BẨY NHẪM THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

ĐẶNG MINH TIẾN

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Thương mại

Nhận bài ngày 10/4/2021. Sửa chữa xong 15/4/2021. Duyệt đăng 18/4/2021.

## Abstract

*Management renovation in Vietnam's university education improvement viewed as one of the most important issue at present. It also makes attribution to the development process in VietNam's university education, as well as an sinifical point that result from highly contribution to improve the university's management in education quality. In recent years, not only does the contribution on the achivement in that Vietnam's university education management bring back; but also it appear the weak points espically in its managing education system. With an aim to finding out the most efficient ways in Vietnam's university with a lever in education and training's system is an inevitable matter. In this article, we make focus on the strong points as well as the weak points in Vietnam's university education development, mainly in three aspects: normal university, education mannagement systems and applied technology's approach.*

**Keywords:** Management renovation, lever, university education.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, giáo dục nước ta đã đạt được những thành tựu rất to lớn. Đặc biệt, GDĐH đã từng bước phát triển rõ rệt về quy mô, đa dạng về loại hình trường và hình thức đào tạo, cung cấp cho xã hội một nguồn lao động có trình độ cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, GDĐH đang đối mặt với những thách thức rất to lớn như chất lượng đào tạo còn thấp, chưa tương xứng và đáp ứng được nhu cầu của kinh tế, xã hội, cách thức quản lý nhà nước đối với các trường đại học, cao đẳng chậm thay đổi, còn nhiều điều bất hợp lý, chưa phát huy tối đa được sự sáng tạo của đội ngũ giảng viên, các nhà quản lý và sinh viên

## 2. Những hạn chế trong quản lý GDĐH trong những năm qua

### 2.1. Về mặt quản lý hệ thống giáo dục

Đã có quy định về các điều kiện cần thiết cho phép mở ngành đào tạo và tuyển sinh nhưng việc triển khai chưa đồng bộ. Chế tài xử lý đối với các trường không thực hiện đúng cam kết về các điều kiện mở ngành và tuyển sinh chưa đủ mạnh. Hệ thống quản lý chất lượng trong GDĐH chậm được hình thành (năm 2004 Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục mới được thành lập); hàng năm chưa có đánh giá thực tế và báo cáo về chất lượng đào tạo của các trường và cả hệ thống GDĐH, một thời gian dài còn biểu hiện buông lỏng quản lý chất lượng GDĐH. Việc tăng quy mô đào tạo, số trường đại học, cao đẳng trong nhiều năm qua làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục.

Các trường đại học, cao đẳng vẫn tập trung chủ yếu ở 5 thành phố trực thuộc Trung ương, 5 thành phố này có 102/150 trường đại học cả nước (chiếm 68%) và có 184/276 trường đại học, cao đẳng cả nước (chiếm 49%). Riêng các trường cao đẳng, 5 thành phố có 82/226 trường (chiếm 36%). Điều này tạo ra sự phát triển không đồng bộ giữa các vùng, miền trong cả nước.

Việc quản lý và chịu trách nhiệm của cơ quan nhà nước về các trường đại học, cao đẳng rất phân tán. Hiện nay, cả nước có 376 trường đại học, cao đẳng, Bộ GD&ĐT quản lý 54 trường (14,4%); các

Bộ, ngành khác quản lý 116 trường (30,8%); UBND các tỉnh, thành phố là cơ quan chủ quản của 125 trường (33,2%); có 81 trường dân lập, tư thục (21,5%). Trong khi Bộ GD&ĐT là cơ quan duy nhất theo luật pháp được ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giáo dục cấp Bộ, thì việc kiểm tra chấp hành các văn bản đó ở các trường đại học, cao đẳng thuộc các Bộ, ngành khác và do Ủy ban nhân dân là cơ quan chủ quản còn rất hạn chế, có Bộ còn ra văn bản chống chéo lên chức năng quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT.

Các trường chưa chịu áp lực giám sát của xã hội, áp lực cạnh tranh lành mạnh vì lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân. Việc quy hoạch và đánh giá đội ngũ Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng cũng còn hạn chế, chưa đảm bảo có đội ngũ giảng viên giỏi, có năng lực quản lý, sẵn sàng tham gia lãnh đạo các nhà trường với yêu cầu ngày càng cao.

Các quy định về tài chính chậm được đổi mới, còn nhiều bất hợp lý, hạn chế sự năng động, sáng tạo của các trường.

Quy định về thành lập Hội đồng trường đã được ban hành nhưng cho đến nay đại đa số các trường chưa thực hiện. Các trường đại học, cao đẳng chưa thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo hàng năm cho Bộ GD&ĐT dẫn đến tình trạng Bộ GD&ĐT thiếu cơ sở dữ liệu chính xác về đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý của các trường đại học, cao đẳng cả nước.

## 2.2. Về mặt tiếp thu, ứng dụng công nghệ gắn kết đào tạo với thị trường lao động

Các nhà tuyển dụng cho rằng vẫn chưa có mối quan hệ gắn kết với các cơ sở GD-ĐT, đặc biệt là trong các lĩnh vực sau: 1) Đặt hàng cho các cơ sở GD-ĐT; 2) Hỗ trợ giáo dục (kinh phí, công nghệ, sản phẩm, cơ sở vật chất...); 3) Phản hồi chất lượng về người được tuyển dụng; 4) Tham gia quá trình đào tạo (giảng dạy, thực tập...)... Các hoạt động như: Tham gia xây dựng chương trình đào tạo với nhà trường, Thông báo tuyển dụng và liên kết đào tạo với nhà trường cũng chưa được thực hiện thường xuyên lắm.

Kết quả khảo sát cho thấy hệ thống GD-ĐT Việt Nam vẫn còn chưa chú trọng đến việc lấy ý kiến xã hội, nhà tuyển dụng cũng như thị trường lao động nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, cũng như chưa có sự gắn kết giữa đào tạo và thị trường lao động. Thực tế cho thấy *"công tác quan hệ, hợp tác hỗ trợ và phối kết hợp của nhà trường với xã hội, một trong những yếu tố cần thiết trong nền kinh tế thị trường, là chưa thực sự mạnh"*<sup>1</sup>. Các ý kiến khảo sát các nhà tuyển dụng và quản lý các trường cho thấy việc hợp tác, phối kết hợp chủ yếu ở mức hình thức, chưa mang tính thực tiễn và ứng dụng cao. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nhà trường Việt Nam có mối quan hệ nhiều hơn với các cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhà nước cũng như giữa các trường với nhau. Quan hệ giữa nhà trường với phụ huynh, người hưởng lợi và khách hàng trực tiếp, và doanh nghiệp, nơi sử dụng nhân lực, là chưa nhiều. *"Yếu tố quản lý nhà nước và quan hệ nhà nước với các cơ sở giáo dục và đào tạo tại Việt Nam là còn khá cao, trong khi mối quan hệ xã hội và yêu cầu đáp ứng nhu cầu lao động còn chưa được chú ý"*<sup>2</sup> nhằm xây dựng nguồn nhân lực đào tạo thiết thực hơn và đáp ứng tốt nhu cầu thực tế hơn.

## 3. Đổi mới quản lý - đòn bẩy để phát triển giáo dục đại học

Việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch phát triển các cơ sở giáo dục đại học còn không ít hạn chế, phá vỡ quy hoạch, thậm chí đi ngược lại với quy hoạch. Theo Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2013 thì đến năm 2020, cả nước sẽ có 460 trường đại học, cao đẳng. So với quy hoạch mạng lưới các trường được ban hành năm 2007, con số này đã giảm đi hơn 100 trường (quy hoạch cũ đặt ra mục tiêu có tới 573 trường vào năm 2020). Tuy nhiên, trên thực tế, việc mở trường đã không tuân theo sự điều chỉnh này. Cho đến tháng 3 năm 2014, cả nước đã có 471 trường đại học, cao đẳng trên cả nước, nghĩa là vượt quy hoạch dự kiến của năm 2020. Một điều đáng nói là, trong Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê

1) Nguồn: <http://tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/812603/nguyen-tac-co-ban-xu-ly-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong.aspx>.

2) Nguồn: <http://tapchicongsan.org.vn/nghien-cu/-/2018/812603/nguyen-tac-co-ban-xu-ly-moi-quan-he-giua-nha-nuoc-va-thi-truong.aspx>.

duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020 đã xác định: "Ưu tiên thành lập các cơ sở mới có đủ tiềm lực và điều kiện; hạn chế việc nâng cấp các cơ sở hiện có"<sup>3</sup>. Song theo thống kê của Bộ giáo dục và Đào tạo, từ năm 2007-2013, cả nước có 133 trường được thành lập thì có tới 108 trường do nâng cấp. Việc nâng cấp ồ ạt dẫn đến các cơ sở giáo dục đại học khó đảm bảo các yêu cầu về đội ngũ giảng viên, nội dung chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng khác. Điều này tất yếu dẫn đến chất lượng giáo dục đại học khó có thể được nâng cao.

Quyết định số 64/2013/QĐ-TTg ngày 11/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều kiện và thủ tục thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động đào tạo, đình chỉ hoạt động đào tạo, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học, học viện đã quy định rõ 5 điều kiện thành lập trường đại học và 6 điều kiện để trường đại học đi vào hoạt động trong đó chú trọng những điều kiện có ý nghĩa trọng tâm của bảo đảm chất lượng giáo dục đại học như yếu tố cơ sở vật chất, chương trình, giáo trình, đội ngũ giảng viên, nguồn lực tài chính và tổ chức quản lý. Những điều kiện này nhằm đảm bảo các cơ sở giáo dục đại học khi được thành lập và hoạt động sẽ đảm bảo những yêu cầu cần thiết nhất để kết quả đào tạo thực sự hướng đến chất lượng.

Thể chế quản lý nhà nước về tuyển sinh đại học trong những năm qua cũng có sự chuyển biến rõ rệt. Từ việc cơ sở giáo dục đại học tuyển sinh đến kỳ thi "ba chung" năm 2002 và những đổi mới trong tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia cho thấy, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực sự mong muốn tạo ra những đổi mới trong tuyển sinh đầu vào đại học mà mục đích cao nhất đó là chính là bảo đảm yếu tố đầu vào phù hợp với trình độ giáo dục đại học. Bởi lẽ sau gần 18 năm thực hiện hình thức ba chung vẫn tồn tại không ít những bất cập. Đó là chưa giảm rõ rệt tình trạng căng thẳng, tốn kém và chịu sức ép rất lớn do hạn chế và chỉ tiêu tuyển sinh. Công tác xét tuyển còn lúng túng, bị động và kéo dài trong khâu xử lý kỹ thuật và tâm lý thụ động của người học. Các trường chưa hoàn toàn tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc tuyển sinh do khâu thi và khâu tuyển chưa hoàn toàn tách bạch (công tác coi thi, chấm thi...)

Thể chế quản lý tài chính và cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đại học cũng được xây dựng, hoàn thiện nhằm đảm bảo những điều kiện cần thiết cho chất lượng giáo dục đại học. Kinh phí chi thường xuyên cho các cơ sở đào tạo đại học để thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính. Cơ chế này đã giúp các cơ sở đào tạo đại học chủ động hơn trong sử dụng ngân sách, sử dụng có hiệu quả các nguồn thu hợp pháp của nhà trường, tăng tính tự chủ của các đơn vị trong hoạt động, giảm các thủ tục hành chính và lể lối làm việc theo cơ chế "xin-cho". Kinh phí chi thường xuyên được giao ổn định theo từng giai đoạn 3 năm đã tạo điều kiện cho các trường chủ động kế hoạch hóa nguồn lực, phân bổ và điều hành ngân sách hàng năm một cách rõ ràng, minh bạch, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Thể chế quản lý nhà nước về chương trình đào tạo cũng có những đổi mới quan trọng. Từ việc Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung chương trình đến việc trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong xây dựng chương trình đào tạo là một bước tiến quan trọng. Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, trước đó là Quyết định số 29/2008/QĐ-BGDĐT ngày 6/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chu kỳ và quy trình kiểm định chất lượng chương trình giáo dục của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đã góp phần tạo lập thể chế quản lý quan trọng đối với một yếu tố quan trọng, tác động trực tiếp vào chất lượng giáo dục đại học.

Tư duy quản lý nhà nước về chất lượng, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học đã thực sự được thể chế hóa thông qua một loạt các văn bản quản lý nhà nước ở tầm quốc gia khẳng định rõ chủ trương

3) Nguồn: <http://vbpl.vn/hanoi/Pages/vbpq-toanvan.aspx?dvid=305&ItemID=13751>.

đổi mới quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học theo hướng quản lý chất lượng. Từ năm 2004, Nghị quyết số 37-2004/QH11 của Quốc hội khóa XI thông qua ngày 31/12/2004 đã chỉ rõ “ Lấy việc quản lý chất lượng làm nhiệm vụ trọng tâm; thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục hàng năm”. “Để trực tiếp quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục đại học, ngày 2/8/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chỉ thị số 25/2004/CT-Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đó yêu cầu các cấp quản lý giáo dục, các trường đại học và cao đẳng trong toàn quốc “ khẩn trương xây dựng và hoàn thiện về tổ chức, bộ máy và triển khai hoạt động của hệ thống khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục”<sup>5</sup>. Ngày 2/12/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 38/2004/QĐ-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng trường Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sau gần 2 năm dự thảo và lấy ý kiến góp ý của các trường đại học và các chuyên gia trong và ngoài nước. Với quy định này, lần đầu tiên trong lịch sử giáo dục của đất nước, Việt Nam đã có được một bộ tiêu chuẩn rõ ràng minh bạch, cơ bản xác định được các yêu cầu về chất lượng liên quan đến sứ mạng, mục tiêu, cơ cấu, điều kiện nguồn lực, và các mặt hoạt động của một trường đại học của Việt Nam. Tiếp theo sự ra đời quy định trên trong vòng gần 3 năm từ năm 2005 đến năm 2007, 20 trường đại học Việt Nam, gồm 18 trường công lập cùng 2 trường dân lập được xem là thuộc tốp đầu trong hệ thống đại diện cho các khu vực địa lý trên toàn quốc, đã được chọn làm thí điểm đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đã ban hành. Sau khi áp dụng với 20 trường, bộ tiêu chuẩn tạm thời đã được điều chỉnh, bổ sung, sửa chữa để trở thành bộ tiêu chuẩn chính thức được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành vào tháng 11/2007. Năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 1/11/2007 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học. Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 37/2012/TT-BGDĐT ngày 30/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngày 4/3/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT hợp nhất Quyết định ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

Các tiêu chuẩn chất lượng của trường đại học và cao đẳng của Việt Nam theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 10 khía cạnh như sau:<sup>6</sup>

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học (Tiêu chuẩn 1)
2. Tổ chức và quản lý (Tiêu chuẩn 2)
3. Chương trình giáo dục (Tiêu chuẩn 3)
4. Hoạt động đào tạo (Tiêu chuẩn 4)
5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (Tiêu chuẩn 5)
6. Người học (Tiêu chuẩn 6)
7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ (Tiêu chuẩn 7)
8. Hoạt động hợp tác quốc tế (Tiêu chuẩn 8)
9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (Tiêu chuẩn 9)
10. Tài chính và quản lý tài chính (Tiêu chuẩn 10).

Có thể thấy 10 khía cạnh đã nêu trong Bộ tiêu chuẩn chất lượng trường đại học của Việt Nam đã bao quát gần như toàn bộ các khía cạnh liên quan đến cơ chế quản lý cũng như các mặt hoạt động của một trường đại học hiện đại, không mấy khác với các tiêu chuẩn của các nước trong khu vực và quốc tế. Có được một bộ tiêu chuẩn minh bạch để quản lý giáo dục Việt Nam cho thấy quyết tâm hội nhập của ngành giáo dục, và với nhiều hứa hẹn sẽ đem lại những thay đổi tích cực cho vấn đề chất lượng giáo dục trong thời gian tới đây.

Dựa trên những thực trạng trên, đồng thời thông qua những bài học kinh nghiệm về đổi mới quản lý GDĐH của nhiều nước trên thế giới cho thấy rằng muốn đổi mới trong quản lý GDĐH, chúng

4) Nguồn: <http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=73&NewsId=425347>.

5) Nguồn: <http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpbq-toanvan.aspx?ItemID=83711>.

6) Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=4165>.

ta cần chú ý đến những vấn đề cơ bản sau:

Một là, chúng ta cần phải đổi mới tư duy trong việc quản lý - từ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý, dần xóa bỏ tư duy “bao cấp” vẫn còn tồn tại ở lãnh đạo các trường đại học, nhất là các trường công lập. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định: “Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình nội dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản toàn diện nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới; khắc phục cách đổi mới chấp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ”<sup>7</sup>.

Hai là, đổi mới quản lý cần theo hướng phân cấp đối với các cơ sở đào tạo, trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học. Từng trường đại học phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về các hoạt động của mình theo đúng luật pháp và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ và sự giám sát của toàn xã hội. Các trường đại học sẽ tự chủ trong những vấn đề liên quan đến học thuật như có quyền tuyển dụng giảng viên, lựa chọn giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, phương pháp dạy học, quyết định cử cán bộ học tập nước ngoài, tự trả lương theo đóng góp của giảng viên...

Ba là, đổi mới quản lý nguồn nhân lực trong các trường đại học. Yêu cầu lãnh đạo các trường đại học cần phải đặt ra những chính sách, qui định cụ thể trong quản lý của trường như: những tiêu chuẩn cho chất lượng đội ngũ giảng dạy và cán bộ quản lý, chuyên viên; việc tuyển dụng phải được tiến hành thông qua sự cạnh tranh công bằng, nâng cao những qui định về nghề nghiệp dưới nhiều hình thức... vì việc quản lý nhân sự (giảng viên, sinh viên, cán bộ nhân viên) đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cho các trường đại học.

#### **4. Kết luận**

Khi nền kinh tế thế giới đang cạnh tranh ngày càng gay gắt cùng với việc Việt Nam gia nhập WTO và tham gia khá sâu rộng vào các cam kết của GATS, điều này cũng mang lại nhiều thuận lợi cũng như thách thức không nhỏ cho GDĐH ở nước ta. Trong bối cảnh này, GDĐH với tư cách là nơi cung cấp dịch vụ và nguồn lực chất lượng cao cần phải chú ý đến hiệu quả, nhất là hiệu quả trong quản lý. Bởi lẽ chính sự quản lý yếu kém, thiếu sự kiểm soát và chậm đổi mới quản lý trong thời gian qua đã cho thấy được phần nào chất lượng của giáo dục đại học GDĐH Việt Nam. Vấn đề “hiệu quả” đang trở thành thách thức và là mối quan tâm hàng đầu của lý luận và thực tiễn quản lý giáo dục.

Vì vậy, việc đổi mới quản lý là đòn bẩy để phát triển giáo dục Việt Nam, là khâu đột phá để tạo ra sự đổi mới toàn diện của GDĐH, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những vấn đề về đổi mới quản lý trong GDĐH mà chúng tôi trình bày ở trên chỉ có thể được cải thiện “thực sự” nếu có sự quan tâm sâu sắc, giám sát chặt chẽ và quyết tâm cao độ cũng như sự tham gia tích cực của tất cả đơn vị, cá nhân trong và ngoài nhà trường.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban cán sự Đảng Bộ GD&ĐT, (2019), *Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới quản lý GDĐH giai đoạn 2019-2021*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), *Báo cáo sự phát triển của hệ thống GDĐH, các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo*.
3. Lê Đình Quang, (2019), *Đổi mới quản lý GDĐH từ góc nhìn của công tác quản lý HSSV*. Hội nghị chuyên đề triển khai Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý GDĐH giai đoạn 2019 - 2021.
4. Lê Đình Sơn, *Biện pháp quản lý nhằm nâng cao “hiệu quả trong” ở Đại học Đà Nẵng*. Cập nhật ngày 27/09/2010 từ [www.kh-sdh.udn.vn/zipfiles/So24/24\\_20\\_son\\_le%20dinh.pdf](http://www.kh-sdh.udn.vn/zipfiles/So24/24_20_son_le%20dinh.pdf).
5. Nguyen Van Tai, *Innovative management of higher education development*. Cập nhật ngày 27/09/2019 từ [www.worldedreform.com/intercon2/f16.pdf](http://www.worldedreform.com/intercon2/f16.pdf).
6. Thủ tướng Chính phủ, (2020), *Chỉ thị về đổi mới quản lý GDĐH giai đoạn 2020- 2022*.
7. Thomas J. Vallely, Ben Wilkinson. (2008), *Vietnamese higher education: crisis and respond*. Cập nhật ngày 27/09/2010 từ [www.hks.harvard.edu/.../HigherEducationOverview11](http://www.hks.harvard.edu/.../HigherEducationOverview11) 2008.
8. UNESCO (2010). *Governance and management*. <http://www.iiep.unesco.org/research/governance-andmanagement.html>.

7) <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankiendaihoi dang?categoryId=10000714&articleId=10038387>